

PHẦN BẢY

ĐỐI NGOẠI

NHÀ THANH MÙA VIỆC THÔN TÍNH NƯỚC NAM

Mùa hạ năm đinh mùi (1987), Bắc Bình Vương ra Thăng Long lần thứ hai, giết Tiết chế Vũ Văn Nhậm, xếp đặt ngạch quan quân, chinh đốn việc quốc chính, rồi lưu 3000 ⁽¹⁾ binh đóng giữ Bắc Hà, lại trở về Nam.

Bọn Ngô Văn Sở và Ngô Thì Nhậm trong khi trấn thủ Thăng Long, hễ đâu có giặc thì sai tì tướng đem quân đi dẹp yên ngay. Phủ huyện có văn án đệ trình, thì tùy liệu phân xử, không để đọng lại một việc.

Việc canh phòng biên giới phía Bắc đã có đô đốc Nguyễn Văn Diễm ⁽²⁾ đem du binh đi tuần, xét hỏi giấy phép, cấm ngặt những ai lén lút sang Thanh.

Sống trong thời oanh liệt, bọn Sở mua vui với nhau bằng cách quân ngựa khiển hừng và chuốc chén tiêu nhân.

Nhưng họ có ngờ đâu phe đối lập vẫn hoạt động riết.

Nguyên bọn tham tri chính sự Lê Duy Đản và phó đô ngự sử Trần Danh Án, sau khi vâng mật chỉ của Lê Chiêu Thống, cải trang giả làm lái buôn người Thanh, nhập bọn với thương khách, đi lọt được sang đất Mãn Thanh, sốt sắng vận động việc cầu cứu.

Bọn Án nhờ người canh gác cửa ải giới thiệu, vào ra mắt viên phân phủ họ Vương ở phủ Thái Bình (Tàu). Họ kêu khóc kể lể những nỗi Tây

¹ Theo Thanh triều sử lược quyển VI, tờ 19b.

² Người Quảng Nam.

Son xâm lăng từ năm bính ngọ (1786). Hiện nay, vua tôi nhà Lê đương phải long đong diên bá.

Trước những ngôn ngữ cử chỉ của họ, Vương phân phủ trước còn ngò tướng Tây Sơn bày mưu sai người sang thám thính nên cứ vắn vẹo bọn Ân mãi. Sau cảm động vì những giọt nước mắt thành thực của Ân và Đản họ Vương phải hứa sẽ nói giùm với tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh và Lương Quảng tổng đốc Tôn Sĩ Nghị đề đạt việc này lên Thanh triều.

Khi đã nghe thấu cả hai tiếng kêu của bọn Ân và của bọn Nguyễn Huy Túc. Tôn Sĩ Nghị giờ nói với bọn liêu thuộc : “Nước Nam xưa vốn thuộc Hán, Đường. Mãi đến đời Tống. Họ Đinh mới cựa được lên, giữ lấy nước. Từ đó trở đi, đời họ nối đời kia gây thành một nước độc lập. Nay cuộc thế xoay vần, họ không giữ nổi, có lẽ ý Trời muốn ban cho chúng ta chiếm làm quận huyện ?”.

Nghị liền sang Long bằng doanh họp bàn với tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh.

Vĩnh Thanh nói : “Gây sự với ngoài là việc lớn, lợi hại không phải vừa. Cứ như Ngài (chỉ Tôn Sĩ Nghị) nói, thì Lê Tự Tôn cũng đáng thương thật, song thế lực Tây Sơn chưa chắc đã đốn kém đến thế. Vì Nguyễn Huệ là tay thảo trạch vùng lên, hành binh từ thuở ể chỏm. Một phen ra tay đã đánh đổ được cái triều đình hơn 300 năm (chỉ nhà Lê) thì lực lượng ấy, tưởng không phải yếu. Huống chi nước ta hàng 200 năm nay, thái bình vô sự, dân không quen việc binh ; một sớm rong ruổi vào nơi viêm chướng, chưa chắc đã đánh được, mà được cũng chẳng vinh gì ! Muôn một rủi ro thì thiệt hại lắm. Ngài (Nghị) là đại thần nhà nước, cần nên giữ vững bờ cõi, chớ đừng cả tin người ngoài, vội gây sự với lân bang. Cái gương của

Hoàng Phúc, Trương Phụ (đều người đời Minh) ở hồi Vĩnh Lạc (1103-1424), Tuyên Đức (1426-1435) nào đã mò đầu !”.

Tôn Sĩ Nghị cãi lại : “Nhà Lê chịu phong, đời đời giữ lễ công. Nay nước người ta gặp cơn biến loạn, lẽ nào không cứu mà lại ngồi nhìn ?”.

Rồi Nghị đòi gọi bọn Nguyễn Huy Túc, Lê Quýnh, Hoàng Cái Hiều, Nguyễn Đình Trạc và Nguyễn Đình Mai đến quân môn cung trượng.

Nghị lại đưa một cái bản đồ cho Lê Quýnh coi, rồi hỏi xem bộ vị và phương diện trong bản đồ ấy có đúng với thực tế không. Thấy Quýnh cho rằng bản đồ sai đến 4, 5 phần 10, Nghị liền sai họa công đến sửa lại theo Quýnh chỉ bảo : Phàm những chỗ còn, mất, hư, thực và anh em Lê Hoàng hiện ở đâu đều phải ghi vào bản đồ cho rõ ràng cẩn thận.

Rồi Nghị dặn bọn Túc : Việc này, để ta còn phải tâu lên triều đình. Khi nào được chỉ, ta sẽ giúp cho các người. Các người hãy cứ về nước, tìm cho đến chỗ Tự Hoàng đang ở, thám thính tình hình Tây Sơn bây giờ ra sao và người nước xu hướng thế nào, lập tức phải phi báo sang để ta phúc tâu. Bây giờ ta sẽ kéo binh qua cửa ải, chống lại cái nhà đã đổ và dựng lại cái nước đã tan”.

Vua Thanh Kiên Long (1736-1795) nhận được tờ biểu của Tôn Sĩ Nghị nói về nội tình nước Nam và việc vua Lê đem Thái hậu cùng Nguyên Tử chạy sang cầu viện, liền hạ chiếu thư dụ bảo Nghị :

Tự tôn Duy Kỳ khi đem gia quyến sang đất Bắc là do Trào Châu ruổi đến Long Châu. Cứ theo lời Tôn Sĩ Nghị tâu, thì ra Lê Duy Kỳ cũng cùng đến cả. Nhưng Duy Kỳ đã thân đem gia quyến sang nội địa, mà sao trong tờ trình vẫn để di quan (quan mọi) Nguyễn Huy Túc đứng lên ?

Và, bọn thổ tú Nguyễn Nhạc đã công phá đô thành nhà Lê, sau thấy Lê Duy Kỳ chạy trốn, lại đem binh đuổi theo để chực giết. Nếu nước ấy đã bị họ Nguyễn (Tây Sơn) chiếm hết cả, mà Duy Kỳ chỉ đem có hơn 60 người quyến thuộc thì suốt dọc đường sao lại yên ổn mà sang đến tận nội địa này được ?

Hiện Duy Kỳ đã tới Long Châu, vậy truyền Tôn Sĩ Nghị sau khi đến Long Châu, nên hỏi tận mặt Duy Kỳ : họ Nguyễn (Tây Sơn) làm loạn, xét ra là vì có gì mà gây nên biến ? Duy Kỳ gặp nạn, gửi mình nơi nội địa, phải chăng chỉ cốt bảo toàn lấy tính mạng mẹ con, còn đất đai thì đem nhường cho họ Nguyễn ? hay là chỉ tạm nương náu bên nội địa để trốn tránh ? trong bọn thân hạ của Duy Kỳ còn ai có thể vì Duy Kỳ giết giặc mà khôi phục, rồi đón mẹ con y về nước ? Vậy hỏi xem chủ kiến của y thế nào ? Nếu y không biết được rành mạch tỏ tường thì nên đến xét hỏi tận bọn Nguyễn Huy Túc.

Lần này, TỰ TÔN nước ấy cùng quẫn quá lắm mới phải gửi thân nơi nội địa. Trong tờ trình dẫu không thấy nói xin cứu binh, nhưng bọn trấn mục của y nếu quả có thể triệu tập được dân binh, dẹp tan được hung nghịch, đón TỰ TÔN về thì cố nhiên là hay lắm rồi.

Nếu họ Nguyễn (Tây Sơn) chỉ chiếm một dải đất của đô thành nhà Lê mà chỗ khác vẫn còn của Lê, bọn trấn mục tuy không trừ diệt được họ Nguyễn (Tây Sơn), nhưng vẫn có thể làm được nên việc mà đón TỰ TÔN về, thì bấy giờ ta sẽ vì họ mà khôn xếp cắt đặt. Thế thì dòng nước họ Lê không đến nỗi bị đoạn tuyệt, ta cũng không bỏ dấy quân, thay họ làm đỡ việc lớn.

Nếu họ Nguyễn công phá đô thành nhà Lê rồi, lại chiếm cứ hết đất đai An nam, hoặc con cháu họ Lê đều bị giết hại hết cả, thì Tự tôn mai sau chung quy cũng chẳng còn có nước đâu mà về được nữa.

An nam thần phục bản triều rất là cung thuận, nay bị cường thần tranh cướp, gõ cửa ải, kêu xin gọi nhờ nội địa ; nếu ta bỏ qua mà không xét đến, thì thật không phải là đạo vỗ yên nước nhỏ, làm sống lại kẻ luân vong.

Vậy nên họp tập binh bị cho dày sức, rồi kể tội kẻ cường thần mà tiến sang đánh. Đến bây giờ tự Trẫm sẽ xếp đặt quyết định...⁽¹⁾.

Lời chiếu dưới đây cũng của vua nhà Thanh dặn bảo Tôn Sĩ Nghị:

Nay Lê Duy Kỳ dẫn phải bôn vong, nhưng toàn cõi chưa đến nổi mất hết. Mà thần dân trong nước hãy còn yêu mến họ Lê thì cũng có cơ hưng phục được. Vậy cho khanh đem quân đóng ở biên thùy, xa làm thanh thế cửa viện. Rồi bảo Duy Kỳ phải triệu tập nghĩa binh, thu phục lấy quốc thành, chứ ta không cần phải động binh đánh giúp cho nhọc công, tốn của. Khi họ lấy được kinh thành rồi, khanh sẽ đem quân hộ tống Duy Kỳ về nước. Nếu Tự tôn không làm nổi việc và Tây Sơn vẫn cứ rờn rờ, thì bây giờ khanh sẽ đem binh hỏi tội, rồi thừa cơ chiếm lấy nước Nam”.

Nghị liên thông tư đi Vân Nam và Tứ Xuyên đốc lấy binh mã.

Khi sắp xuất quân, Nghị lại làm sớ tâu vua Thanh đại lược :

“Nội lực nhà Lê yếu lắm, rồi ra chức cũng không giữ nổi nước đâu ; nay thấy họ sang cầu viện, đối với danh nghĩa bề ngoài, Triều la không lẽ không cứu... Nhân dịp này, nếu hưng phục cho Lê được rồi, ta sẽ đặt thủ

¹ Đông hoa toàn lục, quyển 107, tờ 38b-39a.

binh mà giữ lấy nước. Thế là vừa có ơn với Lê, lại vừa lấy được An nam : nhất cử lưỡng lợi !”

Tuần phủ Tôn Vĩnh thanh tuy bác lời sớ của Nghị là “trước dùng nghĩa, sau mưu lợi”, nhưng Vĩnh Thanh cũng lộ cái dã tâm muốn nuốt nước nam trong mấy câu này :

“Chi bằng ta cứ đóng binh không động, đợi khi Lê và Tây Sơn cả hai cùng kiệt quệ, bấy giờ ta sẽ thừa cơ đánh lấy cũng chưa muộn nào !”.

Rồi lời thỉnh cầu của Nghị được chuẩn y, việc xâm lược của Nghị được thực hiện: Binh mã bốn tỉnh Vân Nam, Qui Châu, Quảng Đông, Quảng Tây, tất cả 20 vạn quân, rần rần rộ rộ chia làm ba đường đồng thời vào xâm nước ta:

Một đạo của Lương Quảng tổng đốc Tôn Sĩ Nghị và đề đốc Hứa Thế Hanh đi theo con đường từ Nam Quan rồi do Lạng Sơn đổ xuống.

Một đạo của Vân Quý đề tổng họ Ô (không rõ tên) từ Tuyên Quang⁽¹⁾ tràn vào.

Còn một đạo nữa của Điền Châu tri phủ Sầm Nghi Đống thì từ Cao Bằng kéo xuống (xin coi bản đồ số 1 trang 152, 153).

Hứa Thế Hanh : Đề Đốc.

Trương Triều Long⁽²⁾ : Tiên Phong.

Thượng Duy Thăng : Tả Dực.

Sầm Nghi Đống (Điền Châu thái thú) : Hữu Dực.

¹ Xưa địa bàn Tuyên Quang gồm có đất Hà Giang, Lao Cai và Yên Bái.

² Đông Hoa toàn lục quyển 108, tờ 22, chép là Trương Triều Long, còn sử sách ta thường chép là Trương Sĩ Long.

Hết thủy tướng tá và 20 vạn quân đều ở dưới quyền gươm ấn của Tôn Sĩ Nghị.

Khi quân Thanh trở đi, tuy ai nấy phải đeo khí giới tùy thân, nhưng mỗi tên lính lại có một tên phu theo phụ ⁽¹⁾

NHỮ GIẶC VÀO SÂU

Muốn biết rõ lực lượng chiến đấu của quân ta bây giờ ra sao, nay cần biết thêm về mặt đối phương một chút.

Khi kéo sang ta, Tôn Sĩ Nghị có ban ra tám điều quân luật. Ngoài những điều khuyên răn quân lính của Nghị, còn có ba điều dưới đây cũng có thể dựa làm bằng chứng để cho ta thấy phương lược của tướng Thanh định ứng phó trước oai võ và chiến lược của vua Quang Trung cùng các chiến sĩ đương thời toàn vượt ra ngoài chỗ Nghị sở liệu cả.

Điều thứ 2.- Ở ngoài quan ải (chỉ nội địa bên ta) có non cao, núi hiểm, địa thế vốn dễ mai phục ; trước nên bại bỏ đá núi, đốn phải rừng nửa khiến cho trông ra quang đãng, có thể phóng lâm tiến lên. Nếu thấy ở đâu có đất mới lở ngổm thì càng để ý xem xét kéo mưu chước quyết.

Điều thứ 4.- Người Nam, khi ra trận, hay dùng voi. Voi không phải là món người Thanh quen thạo : hễ gặp voi, thường cứ chạy đi trước. Nhưng nào có biết sức voi dẫu lớn, chung qui vẫn là con vật có huyết khí, không thể đương nổi với đồ dẫn hỏa của ta. Vậy hễ thấy voi ra trận, nếu xa thì bắn bằng súng, nếu gần thì trị bằng dao và cung, khiến voi bị thương, đau phải chạy quay lại, rồi tự giày đạp lẫn nhau. Quân ta (Thanh) thừa cơ ấy mà tấn công, tất thắng không còn phải ngờ nữa.

¹ Theo điều thứ 8 trong “quân luật bát điều” của Tôn Sĩ Nghị.

Điều thứ 5.- Quân Nam toàn dùng cái ống phun thuốc súng làm lợi khí, gọi là “hỏa hổ”. Khi hai quân giáp nhau, quân Nam tất phải trước dùng thứ đồ ấy để đốt cháy quần áo người ta khiến cho phải lui. Nhưng so với sang pháo của chúng ta, thì hỏa hổ kém xa lắm. Hiện ta đã chiết sẵn được vài trăm cái mộc bằng da trâu sống (không thuộc). Nếu thủy quân Nam bắn hỏa hổ thì quân ta một tay cầm mộc để đỡ lửa, một tay cầm dao để chém bừa.

Quân luật của Nghị như thế kể cũng chu đáo ; nhưng đến mùng 5 tháng giêng năm kỷ Dậu (1789) này, sự thực sẽ trả lời Nghị :

Quân Nam không cần cây hiểm, đặt quân phục, thế mà quân Thanh đến phải lách khe núi, luồn rừng cây mà trốn về.

Quân Nam có dùng voi, nhưng chỉ để giày đạp quân Thanh, chứ không đến nỗi chà lộn nhau như Nghị đã tính trước.

Quân Nam vẫn dùng hỏa hổ để công phá, làm vài trăm chiếc mộc da trâu của quân Thanh đều thành vô hiệu ?



Ngô Văn Sở bỗng được tin quân gấp rút, tấp nập như gió mưa. Chân ngựa Mãn Thanh đang chà nát luống cày thượng du miền Bức. Thổ binh vì sợ hãi, đã chạy trốn mất quá nửa, Phan Khải Đức ⁽¹⁾ một trong hai tướng đang giữ Lạng Sơn đã xuống hàng giặc ! Tướng Nguyễn Văn Diễm, thế cô phải rút quân về Kinh Bắc ⁽²⁾, hiệp sức với lưu thủ Nguyễn Văn Hòa, cố giữ lấy thành trì ấy.

¹ Người Yên Ấp, huyện Hương Sơn thuộc Nghệ An.

² Nay gồm Bắc Giang và Bắc Ninh.

Sở lập tức nhóm các văn võ quan liêu nhà Lê, sai thảo bức thư nói với tướng Thanh xin hoãn binh, dưới đứng tên Giám quốc Sùng nhượng công Lê Duy Cận. Rồi cử bọn Trần Bá Lãm, Nguyễn Đình Khoan, Lê Duy Chử đem thư đưa cho Tôn Sĩ Nghị.

Văn Sở nhóm quân sự hội nghị, bàn chước chiến thư. Dự hội nghị ấy, có Lân, Dụng và Thì Nhậm, v.v...

Chương phú ⁽¹⁾ Nguyễn Văn Dụng nói : “Cuối đời Trần, người Minh sang chiếm nước ta. Bọn Hoàng Phúc, Trương Phụ, Mộc Thạnh, Liễu Thăng đều là những tướng kiệt hiệt. Vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn độ sức ra, khó lòng địch nổi chúng. Nhưng vua Lê biết hành binh, khéo mai phục, nhắm vào chỗ yếu của giặc, ập ra đánh giết, nên mình ít mà đánh được nhiều : làm khốn Vương Thông ở bên Đông ⁽²⁾ giết được Liễu Thăng ở núi Mã yên ⁽³⁾. Võ công ấy nghìn thu hã còn thơm nức. Nay người Thanh vượt suối, trèo non từ xa kéo lại : chúng nhọc lắm rồi. Ta đang nhàn rồi, sức hã còn hăng. Chi bằng đặt sẵn quân phục ở nơi hiểm yếu, đợi chúng mới thoát đến, đổ ra đánh giết, lo gì chẳng thắng ?”.

Ngô Thì Nhậm bàn lại : “Tình cảnh giống nhau, nhưng thời thế đổi khác. Hồi thuộc Minh, suốt nước căm giận cái thói tham tàn, độc ác của quân Ngô, ai cũng muốn vùng dậy mà đánh đuổi chúng. Cho nên vua Lê hô lên một tiếng, gần xa thấy đều ứng theo. Khi đánh với quân Minh, người nào cũng trở tài, gắng sức. Nghe tin thắng trận, lòng ai cũng hớn hở vui mừng. Nhân tâm như thế, nên mai phục được kín đáo không ai dám đề

¹ Chức quan giữ tài chính, trông coi thuế má.

² Tức là bên Đông Tân ở sông Nhị Hà ngày nay.

³ Ở xã Mai Sao, Châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn.

lộ cho giặc thông tỏ, rõ tường. Vì vậy, vua Lê mới thắng và đại cáo được bài bình Ngô”.

Ngô Thì Nhậm lại tiếp : “Bây giờ khác hẳn. Các bô thần nhà Lê đâu đâu cũng có. Nghe tin người Thanh đến cứu, họ đều nghênh cổ trông mong chực chờ ngoại viện làm việc hưng phục. Và, dân mình lại nhẹ dạ, trúng cái mưu độc “diệt Hồ lập Trần” thuở trước, họ cũng náo nức đi đón quân Thanh. Như vậy, quân ta mai phục ở đâu, địa thế hiểm hay dễ, số quân ít hay nhiều, thế nào chẳng có nội công cáo tử. Người Thanh sẽ nhân kế của ta mà vật lại ta : đổ ra bốn mặt lưng bắt cho kỳ hết quân phục, chẳng hóa ra tự mình mua lấy cái chết ? Quân cơ đã lộ, còn mong gì đánh úp được ai ?”.

Sở hỏi : “Vậy thì tính sao bây giờ ?”.

Nhậm đáp : “Dụng binh có hai cách : đánh và giữ. Nay quân Thanh kéo đến, thanh thế đã lừng lẫy rồi ; người mình lại có lắm kẻ làm nội ứng, đồn đại quá lời, làm cho lòng người càng thêm náo động. Ta có việc gì sai người ra khỏi thành, chắc sẽ bị chúng bắt giết. Và, những lính Bắc Hà được dịp này, lại dễ trốn lẩn. Thế mà chực đem quân đó đi đánh, khác gì thả dê đánh cọp tài nào chẳng thua ? Muốn đóng cửa thành, cố sức giữ, lại sợ không thể tin cậy ở lòng người, tất có nội biến... Đánh đã không xong, giữ lại không vững, bây giờ chỉ còn một chước rút lui, như giặc vào trong nội địa.

Tướng quân nên mau truyền lệnh cho quân thủy đóng thật nhiều lương thực vào các thuyền, chở ra đồn Biên Sơn trước. Rồi ta sẽ kéo bộ binh, róng trống, mở cờ, lui giữ lấy núi Tam Điệp ⁽¹⁾, liên lạc với quân

¹ Núi Tam Điệp, tức đèo Ba Dội, là một dãy núi ở chỗ phân địa giới hai tỉnh Ninh Bình và Thanh Hóa (ngọn cao nhất được 118 công xích).

thủy. Cố giữ cho vững chỗ hiểm yếu ấy, bấy giờ mới bay thư về báo Đại Vương (chỉ Nguyễn Huệ), cũng chưa muộn nào.

Sở nói : “Khi Đại Vương về Nam, Ngài đã giao thành này cho ta. Nay giặc đến, ta phải sống chết với thành, trước là khỏi then là bầy tôi giữ đất, sau mới không phụ cái trọng trách cầm binh quyền. Nếu bây giờ sợ bóng gió chưa chi đã vội chạy, bỏ thành cho giặc thì chẳng những có tội với Đại vương, mà lại để tiếng cười với người Bắc Hà nữa”.

Nhậm giảng giải : “Tướng giỏi đời xưa liệu giặc rồi mới đánh, tính trước rồi mới làm, lâm cơ, ứng biến, vào quý, ra thân, cũng như tay cao tính nước, tùy thế mà đánh cờ vậy. Ta kéo quân về đủ, không phí một người lính, một mũi tên, cho giặc ngủ nhờ một đêm rồi lại đuổi đi, nào có mất gì mà sợ ? Nếu vì rút lui mà mang tội, thì tôi xin giải bày với Đại Vương chắc Ngài cũng sẽ coi xét. Xin tướng quân đừng ngại”.

TRẬN ĐẦU BẤT LỢI

Ngô Văn Sở mật truyền các trấn thủ ở Kinh Bắc và Lạng, Thái rút quân lui về, nhưng phải thanh ngôn là đi hội quân để đắp lũy đất ở bên sông Nguyệt Đức ⁽¹⁾.

Sở lại hẹn ngày cho các trấn thủ ở Hải Dương và Sơn Tây phải đem quân về họp ở thành Thăng Long. Trấn Sơn Nam phải sửa soạn thuyền, đợi quân thủy đến thì cùng tiến phát.

Năm hôm sau, các đạo đều hội binh ở dưới bóng cờ Tiết chế Văn Sở. Lễ duyệt binh bắt đầu trang nghiêm cử hành ở bên sông Nhị. Sở hạ lệnh cho các bộ binh phải sẵn sàng lương khô để đợi sai phái. Thuộc tướng

¹ Ở khoảng hai huyện Vũ Giang (Bắc Ninh) và Việt Yên (Bắc Giang).

Đặng Văn Chàn được lệnh quản đốc thủy quân, đường hoàng xuôi xuống miền Đông trước.

Sở vừa phân phát xong, thì trời đã vạng tối, bọn Trần Bá Lãm và Nguyễn Đình Khoan về tới kinh thành. Họ nói : “Khi đến Nam quan, bị tên hậu lại nhà Thanh ngăn cản, không cho vào. Hiện nay quân Thanh đã vượt qua Nam Quan bộ kỵ tiền phong của họ đã tiến đến địa phận huyện Phượng Nhãn ⁽¹⁾”.

Giữa vòng các tướng, Sở lại bàn định rút lui. Nội hầu Phan Văn Lân phản đối : “Nước, không cứ lớn, quân không cứ nhiều, cần phải biết mẹo, mới được. Chúng mình nay làm tướng, cầm quân ở ngoài, thế mà giặc đến không đánh, bàn nhau rút lui, còn gọi làm tướng sao được ! Vậy tôi xin đem một nghìn tinh binh qua sông Nguyệt Đức ⁽²⁾, đánh cho chúng một trận, xem Nam khỏe hay Bắc khỏe nào ? Có thể, chúng mới biết ta đây cũng là hạng người gan dạ chứ?”.

Được Sở tán thành, Lân liền ruổi quân qua đò sang Bắc. Gấp đường đi suốt ngày đêm, Lân kéo đến bờ bên Nam sông Nguyệt Đức thì lâu sương vừa điểm trống canh ba.

Bấy giờ là tháng một năm Mậu thân (1788). Đêm ấy, trời đang rét, gió bắc lạnh buốt.

Lân cứ hăng hái thúc quân thẳng tiến vì thấy quân Sĩ Nghị đã đến đóng ở núi Tam Tầng ⁽³⁾.

¹ Đồi Trần là huyện Long Nhãn, đến Lê mới gọi là Phượng nhãn, nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

² Ở chỗ giáp giới hai huyện Vũ Giang (Bắc Ninh) và Việt Yên (Bắc Giang). Cương mục quyển 47, tờ 34a, chép là Trương Sĩ Long.

³ Ở huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Khi lội qua sông Nguyệt Đức, rét buốt tận xương, quân sĩ run bầy bầy. Có người, vì không chịu nổi rét, chết ngay ở trên sông.

Đồ bộ được sang bắc ngạn, Lân thúc quân vây trại Tôn Sĩ Nghị. Nhưng phần vì mặt trận quân Thanh kiên cố, phần vì súng đạn ở trong bắn ra dào dào, quân Tây Sơn không sao đến gần được. Lại bị Trương Triều Long⁽¹⁾, tiên phong bên Thanh, xông xáo đánh giết và cung tên của hai cánh quân tả hữu dục bên địch bắn châu vào, quân Lân núng thế, chết mất vô kể.

Trước đó, Tôn Sĩ Nghị phái ra một toán kỳ binh từ mạng thượng lưu vượt qua sông, đi tắt đánh úp lầy đồn Thị Cầu.

Thấy trong đồn Thị Cầu phát hỏa, quân Lân cả sợ, vội vượt lũy rút về. Giặc Thanh nhân cái đà thắng lợi đó, ruổi dài, tiến tràn, làm cho quân Lân bất lợi⁽²⁾.

¹ Cương mục quyển 47, tờ 34a chép là Trương Sĩ Long.

² Về việc này, An Nam nhất thống chí chép: “Lân lừa quân vượt sông để khiêu chiến, tướng sĩ vốn sợ oai Lân, phải liều rét lội bừa. Đến lòng sông, những người bị rét cóng không lội qua được đều chết đuối cả. Còn những quân đồ bộ được lên bờ thì lại bị lính vận tải của Thanh giết chết. Lân liệu chùng không thể đánh được, liền rút quân chạy lui. Dư đảng tan vỡ trốn vào nơi dân gian lại bị dân bắt đem nộp quân Thanh. Lân phải một người một ngựa chạy về”.

Sách Lê Kỳ (dã sử) chép : “Khi quân Thanh đến núi Tam Tăng thi nội hầu Lân (tức Lân), tướng Tây Sơn, lừa hết binh mã ở năm trấn Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ và Sơn Tây cộng 12 vạn (?) đêm vượt sông Thương, đến bình minh hôm sau, giao chiến với quân Thanh ở dưới núi. Quân Thanh đứng trên cao, dương cung vắn súng bắn xuống liền liền, tên đạn rào rào như mưa trút. Lân thua lớn : quân lính chết đuối ở sông Thương kể hàng vạn người. Lân chạy về Thăng Long chỉ còn 28 quân kỵ”.

Việc Lân thua chạy ấy là một tin vừa đáng kinh vừa nhục nhã cho Ngô Văn Sở ! Hết sức giữ bí mật. Sở không muốn cho tin thua trận ấy đồn lan ra Thăng Long.

Lệnh Tiết chế vừa hạ : các quân, đội nào ngũ ấy, nghiêm chỉnh kéo đi. Họ đã trải qua Phúc Châu ⁽¹⁾ , mặt trời mới tròn bóng. Bây giờ người Bắc mới biết quân Tây Sơn đã rút khỏi Thăng Long.

Đến Yên Mô ⁽²⁾ (ngày 20 tháng 11 năm mậu thân, 1788). Sở chia bộ binh hồ đóng núi Tam Điệp (đèo Ba Dội), liên lạc với quân thủy ở hải phận Biện Sơn ⁽³⁾.

Từ đó, tỵ Trường Yên ⁽⁴⁾ trở vào quân Sở chẹn giữ, cắt hẳn Thanh, Nghệ với các trấn đường ngoài, tình hình hai đảng bị ngăn cách hẳn.

GIẶC THANH CHIẾM THĂNG LONG

Để đón quân Thanh, Lê Chiêu Thống sai binh chương Phạm Đình Dữ và tham tri Vũ Trinh đem thư với 10 con bò, 100 vò rượu, lên tận Hòa Lạc ⁽⁵⁾ vấn an Tôn Sĩ Nghị.

Ôm cái dã tâm xâm lược, Tôn Sĩ Nghị từ khi vượt qua cửa ải, xuống Lạng Sơn, rồi kéo đến Kinh Bắc, rất dễ dàng.

Khi Nghị đến trấn Kinh Bắc, Lê Chiêu Thống từ Phượng Nhãn, thân đem quần thần đến yết kiến và mời Nghị hãy vào đóng trong trấn doanh.

¹ Nay thuộc tổng Văn Quan, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

² Nay là một huyện thuộc tỉnh Ninh Bình.

³ Một hòn đảo gần nơi giáp giới Thanh Hóa và Nghệ An.

⁴ Nay là một tổng thuộc huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

⁵ Nay thuộc tổng Thuốc Sơn Châu Hữu Lũng, tỉnh Bắc Giang.

Song Nghị nói : “Đây cách quốc thành (Thăng Long) không xa, nên đi ngay, chứ không nên trùng trùng ở lại. Nghị bèn sai bắn 9 phát súng, rồi nghiêm chỉnh đội ngũ tiến đi.

Chiều hôm, Nghị mới kéo quân đến bắc ngạn sông Nhị, Chiêu Thống trước qua sông, vào thành Thăng Long sai sửa soạn màn tượng ở trước đền Kinh Thiên để mời Nghị đóng.

Nghị không ưng, nói : “Chỗ ấy không phải là hành doanh của đại tướng, vì có nhiều điều không tiện cho việc hành binh”.

Nghị chia đồn đóng ở những bãi cát rộng rãi bên sông Nhị, lại sai làm cầu phao ở trong sông để tiện đi lại ⁽¹⁾

Ngày 21, tháng 11 (mậu thân, 1788), Nghị lừa quân vào thành Thăng Long trống rỗng, đặt tướng doanh tại Tây Long Cung ⁽²⁾ .

Khi Sĩ Nghị ra quân, vua Thanh giao sẵn cho sách và ấn, dặn rằng hễ lấy được đô thành Thăng Long thì phong Tự tôn Duy Kỳ làm An Nam quốc vương để ràng buộc lấy lòng người.

Vâng lĩnh ý chỉ của Thanh Kiên Long, Sĩ Nghị thấy bấy giờ đã có thể thực hành được sứ mạng đó, bèn bảo Chiêu Thống chọn ngày để làm lễ sách phong ; song vua Lê giải bày rằng lăng tẩm ở Thanh Hóa hãy còn sa vào trong tay Tây Sơn, chưa đến bái yết được, thì lễ đâu lại vội làm cái thịnh điển này. Thế rồi Chiêu Thống khóc xin Sĩ Nghị hãy tạm hoãn.

¹ Việc này An Nam nhất thống chí chép vào ngày 11 tháng 11, năm Mậu thân (1788)

² Nay là chỗ đền Tây Luông của Hoa Kiều thờ Quan công ở Hà Nội. Cổng đền có bốn chữ “Tây Long cổ miếu” mở ra phố ở bên tay phải, còn phía trước đền thì trông ra phố Hồng Phúc, ở gần bờ sông Nhị Hà.

Nghị nói : “Những lời của Tự Quân thật ra từ chí tình nhưng Hoàng đế (chỉ vua Thanh) đã có mạng lệnh bảo làm thì không thể trì hoãn được. Tự Quân há nên vì tình riêng mà xin hoãn lại cho nhàm?”

Cố nhiên, Nghị bảo sao, vua Lê phải nghe vậy.

Vì thế qua ngày ? **22** ⁽¹⁾, Sĩ Nghị làm lễ ở điện Kinh Thiên phong vua Lê làm “An Nam quốc vương”.

Trong bài văn sách phong có câu :

Phi thập hữu nhất đạo chi đề phong, nguyên phi lợi phù thổ địa ;

Tổ bách ngũ thập niên chi chức công, năng bất niệm kỳ tổ tông

Dịch:

Mở đề phong ⁽²⁾ mười một đạo, lợi dầu hám ở đất đai ?

Trải chức công trăm rưởi năm, tình nghĩ cảm vì tông tổ.

Dầu được người Thanh “ban” cho danh hào hiệu hờ, vua Lê vẫn khép nép e dè, không dám đường hoàng trên văn thư dùng niên hiệu Chiêu Thống, mà vẫn phải để hiệu Kiên Long nhà Thanh (bấy giờ là năm Kiên Long thứ 53, tức năm mậu thân 1788).

¹ Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập quyển 30, tờ 32a chép là ngày 21 tháng 11 năm mậu thân (1788).

² Theo chế độ phong kiến xưa, “đề phong” là đất nước chư hầu do thiên tử phong cho.

Hằng ngày, Chiêu Thống cưỡi ngựa đi trước, Lê Quỳnh cưỡi ngựa theo sau, với vài chục lính hầu, cong cóc sang Tây Long cung, nơi Sĩ Nghị đóng, châu chực công việc quân quốc.

Có khi Chiêu Thống tiên yết, Nghị không tiếp, chỉ sai người đứng dưới gác chuông, truyền ra bảo vua Lê rằng : “Nay không có việc quân quốc gì, hãy cứ về cung mà nghỉ !”

Luôn mấy năm mất mùa, đói kém, dân gian đương bị điêu linh. Nay giặc Thanh lại kéo sang, lừa nhân dân vào cảnh khổ càng thêm khổ... Những tấm thân tàn đang sống ngắc ngoải, lại phải chịu đựng thêm nạn khói lửa loạn ly ! Những tiếng kêu than ra từ lòng không dạ rỗng xen lẫn vào bao tiếng khóc lóc nghiêng răng trước những thảm kịch cướp của, đánh người, luân gian, hãm hiếp do bọn quân Thanh gây nên !

Ở những nơi như Hà Khản phường trong thành Thăng Long, phố Cơ Sá bên Kinh Bắc và phố Hiến ⁽¹⁾ thuộc trấn Sơn nam, hàng vạn Thanh Kiêu đã sống lâu năm bên ta, am hiểu phong tục, nói thạo tiếng Nam, nay bỗng cậy thần ý thế Tôn Sĩ Nghị, giở ngay thủ đoạn nhờ gió bẻ măng : họ hoặc đến phụ theo quân đồn, hoặc lập riêng cái điểm “Liều đẽ” công nhiên cướp của, hiếp gái ở giữa chợ, ngoài đường, không còn kiêng nể e dè gì cả ! Rất đời họ tìm nhiều cách vụ hãm lương dân để tranh chiếm lấy đất, ruộng, tài sản của đồng bào Nguyễn Huệ !

Ta nên nhớ rằng năm đinh mùi (1787), Bắc Hà đã trải biết bao tai trời, nạn nước : “Gió to, bão lớn, nước biển tràn ngập, mất mùa đói kém. Nhân dân ở vùng Bắc và vùng Nam đều phải phiêu lưu tan tác. Không có cơm, phải luộc cỏ mà ăn ; không có nhà ở, phải lộ thiên mà nằm. Người

¹ Nay là Hưng Yên.

nào có thóc lại không có muối...”⁽¹⁾. Đến nay quân Thanh kéo sang, dân đã khổ vì đói kém, khổ vì bị hiếp đáp, lại phải chịu thêm cái khổ nữa là trĩu vai ề cổ gánh vác việc cung đốn giặc ! Vất từ mồ hôi nước mắt của hạng người kheo khư ốm đói, vua quan nhà Lê nặn lấy rượu, thịt, cơm gạo, cho quân gia Thanh và rơm, cỏ, lá tre, ngô, thóc cho lừa ngựa chúng. Chỉ thiếu một gánh cỏ, một đấu thóc, anh dân đen cũng đủ bị đánh nát thịt hay phải tù một gông rồi !

Chẳng những vậy, sự dâng nộp lại là cái tai nạn ghê gớm đối với dân gian : đã mất của “đồ sông Ngô”, lại mất công quỹ lụy châu chực! Gia dĩ một tăng, hai ngoại, hạng người ngẩn cổ bé miệng chỉ có cách gạt nước mắt, bầm bụng chịu, dẫu trước những cái tàn ác của kẻ phù thu lạm hồ.

Sống mặc bay, chết cũng mặc bay, quân Thanh cứ việc ăn chơi phưỡn phệ...

Dù đến đực, đực đến sảng, vua tôi nhà Lê cũng sút trán về việc liệu lý binh lương ; nhưng nạo vét được bao nhiêu thì lại cung đốn khách binh hết cả.

Còn hạng quân các nơi hưởng ứng việc phò Lê mà đương thời gọi là “nghĩa binh” thì riêng chịu bóp bụng làm việc quân địch, chứ đâu có được triều đình phát cho gạo tiền.

Hết **PHẦN BẢY**, Xin Trở Lại <http://minhtrietviet.net/muc-luc/>

¹ Theo Việt Nam phong sử.